

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,

Tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-32



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền thân là Công ty Chế tạo Bơm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/01/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 12/01/2004 và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp 0800287016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24/03/2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/04/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Cách	Ủy viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Ngô Văn Mẫn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cách	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đình Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Dương Việt Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

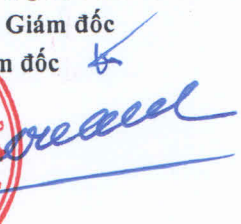
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 


Nguyễn Trọng Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương được lập ngày 15 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biền

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		152.689.322.566	94.604.203.858
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.771.808.130	15.958.240.452
111	1. Tiền		16.271.808.130	10.958.240.452
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	2.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.095.086.014	31.235.779.809
131	1. Phải thu của khách hàng		61.340.316.972	36.318.280.293
132	2. Trả trước cho người bán		6.861.950.350	835.496.022
135	5. Các khoản phải thu khác	4	169.071.230	269.221.634
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.276.252.538)	(6.187.218.140)
140	IV. Hàng tồn kho	5	70.608.064.842	41.884.130.197
141	1. Hàng tồn kho		71.530.099.442	41.884.130.197
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(922.034.600)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.214.363.580	3.526.053.400
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		310.705.774	457.307.714
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	110.088.483
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	903.657.806	2.958.657.203
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		64.230.314.561	68.479.768.667
220	II. Tài sản cố định		63.125.554.094	66.720.495.791
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	60.843.426.569	57.300.595.518
222	- Nguyên giá		100.155.187.214	93.618.650.565
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.311.760.645)	(36.318.055.047)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	2.042.800.220	2.205.812.378
228	- Nguyên giá		3.038.689.253	3.038.689.253
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(995.889.033)	(832.876.875)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	239.327.305	7.214.087.895
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.104.760.467	1.759.272.876
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.001.692.285	1.718.250.149
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	103.068.182	41.022.727
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		216.919.637.127	163.083.972.525

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		159.964.238.122	113.960.788.798
310	I. Nợ ngắn hạn		124.196.965.395	95.040.948.903
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	49.347.903.599	27.732.210.980
312	2. Phải trả người bán		9.563.858.526	26.052.473.498
313	3. Người mua trả tiền trước		44.137.698.878	21.775.882.146
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.969.525.428	771.892.990
315	5. Phải trả người lao động		8.472.353.227	8.448.148.726
316	6. Chi phí phải trả	13	3.670.495.385	3.311.682.462
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	231.006.849	175.517.878
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		6.407.706.896	6.738.548.096
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		396.416.607	34.592.127
330	II. Nợ dài hạn		35.767.272.727	18.919.839.895
333	3. Phải trả dài hạn khác		600.000.000	500.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	6.594.991.410
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	15	35.167.272.727	11.824.848.485
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.955.399.005	49.123.183.727
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	56.499.906.907	49.123.183.727
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.586.800.000	27.586.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.121.612.131	4.121.612.131
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		11.105.505.854	10.105.505.854
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		650.000.000	650.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.035.988.922	6.659.265.742
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		455.492.098	-
432	1. Nguồn kinh phí		455.492.098	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		216.919.637.127	163.083.972.525

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		266,87	225,83
- Đồng Bảng Anh (GBP)		196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,75	1.923,55

Người lập



Nguyễn Thị Thu Thủy

Giám đốc Tài chính



Bùi Thị Lệ Thủy

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	201.544.265.126	176.228.366.398
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	1.035.762.671	61.242.909
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	200.508.502.455	176.167.123.489
11	4. Giá vốn hàng bán	20	144.201.805.978	137.829.996.370
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.306.696.477	38.337.127.119
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	463.052.808	1.482.735.754
22	7. Chi phí tài chính	22	4.617.315.433	2.617.500.814
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.777.069.504	2.342.558.724
24	8. Chi phí bán hàng	23	17.617.585.624	11.182.707.120
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	23.890.296.750	15.480.885.298
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.644.551.478	10.538.769.641
31	11. Thu nhập khác	25	907.811.036	195.559.211
32	12. Chi phí khác		25.743.000	189.134.000
40	13. Lợi nhuận khác		882.068.036	6.425.211
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.526.619.514	10.545.194.852
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.1	3.046.941.789	2.737.971.442
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.2	(62.045.455)	(41.022.727)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.541.723.180</u>	<u>7.848.246.137</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.096	2.845

Người lập

Giám đốc Tài chính



Nguyễn Thị Thu Thủy



Bùi Thị Lệ Thủy

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		243.033.071.000	201.556.400.698
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(211.263.838.485)	(137.162.090.588)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21.135.777.069)	(20.612.879.227)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.812.954.290)	(2.213.494.851)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.973.353.195)	(2.544.411.825)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		161.449.688	109.092.045
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.513.916.387)	(11.596.939.319)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.505.318.738)	27.535.676.933
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.961.446.127)	(39.763.094.820)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		879.811.036	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	400.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		379.820.298	953.203.281
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(701.814.793)	(39.409.891.539)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		65.653.883.380	55.314.111.167
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(50.633.182.171)	(28.754.387.182)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(10.205.416.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.020.701.209	16.354.307.985
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.813.567.678	4.480.093.379
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.958.240.452	11.478.147.073
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	21.771.808.130	15.958.240.452

Người lập

Giám đốc Tài chính




Nguyễn Thị Thu Thủy

Bùi Thị Lệ Thủy

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013****1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền thân là Công ty Chế tạo Bơm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/01/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 12/01/2004 và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp 0800287016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24/03/2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/04/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.586.800.000 đồng; tương đương 2.758.680 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh máy bơm
Chi nhánh Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh máy bơm

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (sản xuất các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc - bin nước, các sản phẩm cơ khí);
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc - bin nước, các sản phẩm cơ khí;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình cấp thoát nước, các hệ thống máy bơm, van và các sản phẩm khác của công ty;
- Chế tạo, cung ứng vật tư, thiết bị và lắp đặt các công trình điện hạ thế.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm tài chính.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	116.984.569	19.958.368
Tiền gửi ngân hàng	16.154.823.561	10.938.282.084
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	5.000.000.000
	21.771.808.130	15.958.240.452

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Hải Dương với lãi suất 6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	6.700.000
Phải thu về người lao động	-	37.393.200
Phải thu về bảo hiểm xã hội	88.340.301	87.768.127
Phải thu về bảo hiểm y tế	18.511.199	16.056.809
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.136.030	10.075.164
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	25.000.000	-
Phải thu tiền hàng Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	90.000.000
Phải thu khác	25.083.700	21.228.334
	169.071.230	269.221.634

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.418.676.311	20.746.509.815
Công cụ, dụng cụ	853.211.807	746.523.206
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.661.644.322	6.448.404.033
Thành phẩm	34.274.079.993	10.418.902.064
Hàng hoá	1.260.934.930	2.720.394.387
Hàng gửi đi bán	2.061.552.079	803.396.692
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(922.034.600)	-
	70.608.064.842	41.884.130.197

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	852.412.806	1.123.210.603
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	51.245.000	1.835.446.600
	903.657.806	2.958.657.203

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	56.888.594.453	24.753.926.718	10.966.752.113	1.009.377.281	93.618.650.565
Mua sắm	467.444.025	1.498.449.000	-	153.521.864	2.119.414.889
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.493.147.122	323.644.706	-	8.816.791.828
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.080.363.315)	-	-	(3.080.363.315)
Điều chỉnh sang CCDC theo TT45/2013	(86.929.759)	(587.386.549)	(102.866.118)	(542.124.327)	(1.319.306.753)
Tại ngày 31/12/2013	57.269.108.719	31.077.772.976	11.187.530.701	620.774.818	100.155.187.214
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2013	12.986.735.595	16.484.042.459	6.296.641.924	550.635.069	36.318.055.047
Trích khấu hao	3.351.844.440	2.615.732.061	1.023.542.438	155.551.733	7.146.670.672
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.080.363.315)	-	-	(3.080.363.315)
Điều chỉnh sang CCDC theo TT45/2013	(67.095.356)	(491.769.114)	(102.866.118)	(410.871.171)	(1.072.601.759)
Tại ngày 31/12/2013	16.271.484.679	15.527.642.091	7.217.318.244	295.315.631	39.311.760.645
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	43.901.858.858	8.269.884.259	4.670.110.189	458.742.212	57.300.595.518
Tại ngày 31/12/2013	40.997.624.040	15.550.130.885	3.970.212.457	325.459.187	60.843.426.569

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 44.017.041.938 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.936.244.770 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù GPMB cơ sở II	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	453.431.700	2.585.257.553	3.038.689.253
Tại ngày 31/12/2013	453.431.700	2.585.257.553	3.038.689.253
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	-	832.876.875	832.876.875
Trích khấu hao	-	163.012.158	163.012.158
Tại ngày 31/12/2013	-	995.889.033	995.889.033
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	453.431.700	1.752.380.678	2.205.812.378
Tại ngày 31/12/2013	453.431.700	1.589.368.520	2.042.800.220

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	239.327.305	7.214.087.895
- Máy tiện đứng 2 trụ 2 đầu dao NM Cơ khí CSII	-	6.514.894.484
- Cầu trục chân quỳ 1 tấn số 1 NM Cơ khí CSII	-	135.615.858
- Cầu trục chân quỳ 1 tấn số 2 NM Cơ khí CSII	-	114.615.858
- Cầu trục chân quỳ 2 tấn số 2 NM Cơ khí CSII	-	73.412.990
- Nhà kho xưởng Cơ khí	28.179.000	23.679.000
- Nhà nén khí xưởng đúc	41.926.000	9.480.000
- Nhà thay đồ xưởng đúc	78.313.791	76.675.191
- Lò nung điện trở tròn bộ	-	178.000.000
- Phòng thử cân bằng động	36.861.000	33.667.000
- Bãi để xi lò sau xưởng đúc	54.047.514	54.047.514
	239.327.305	7.214.087.895

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	1.718.250.149	403.427.063
Tăng	578.479.258	2.220.879.076
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.295.037.122)	(906.055.990)
Tại ngày cuối năm	1.001.692.285	1.718.250.149
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	395.444.765	277.073.851
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	503.092.795	818.795.955
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.154.725	622.380.343
	1.001.692.285	1.718.250.149

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	49.347.903.599	22.794.210.980
Vay ngân hàng	28.422.603.211	12.794.210.980
Vay tổ chức khác	20.000.000.000	10.000.000.000
Vay cá nhân	925.300.388	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	4.938.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	4.938.000.000
(Xem thuyết minh)		
	49.347.903.599	27.732.210.980

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương (1)	18.807.149.357	12.794.210.980
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-CN Hải Dương (2)	1.480.150.300	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Hải Dương (3)	8.135.303.554	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (4)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (5)	10.000.000.000	-
Cán bộ CNV Công ty (6)	925.300.388	-
	49.347.903.599	22.794.210.980

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng vay vốn số 25.03.13.033.01/HĐTD ngày 25/03/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 45 tỷ;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng đến hết ngày 06/03/2014;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi tối thiểu 1 lần/tháng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay không có tài sản đảm bảo, áp dụng tài sản đảm bảo bổ sung là toàn bộ các công trình và máy móc thiết bị gắn liền với nhà xưởng xây dựng trên 2 khu đất 37 - Đại lộ Hồ Chí Minh và cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tổng giá trị tài sản đảm bảo theo biên bản định giá số 02/110307/BBĐGL/2013 ngày 12/03/2013 là 52.127.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐ ngày 30/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5 tỷ;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng đến hết ngày 31/05/2014;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là máy móc thiết bị Công ty và hàng hóa luân chuyển với tổng giá trị theo Biên bản định giá là: 46.597.000.000 đồng; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký giữa Công ty và đối tác.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (3) Hợp đồng tín dụng số 232/08-13/HM/KD ngày 31/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: theo lãi suất của VIB từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và toàn bộ quyền đòi nợ và các khoản phải thu của Bên vay phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế của Bên vay.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TBĐVN-CTB ngày 01/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 01/06/2012 đến 31/05/2013, tự động kéo dài đến khi có hợp đồng mới.
 - + Lãi suất cho vay: 09%/năm, từ 01/7/2013 đến nay áp dụng lãi suất 7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (5) Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV/ĐC-BHD ngày 05/02/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến khi bên cho vay có nhu cầu sử dụng (thông báo rút vốn cho vay bằng văn bản trước 10 ngày làm việc);
 - + Lãi suất cho vay: 09%/năm, có thể thay đổi sau khi 03 tháng xem xét;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (6) Bao gồm các hợp đồng, thỏa thuận vay cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm huy động vốn lưu động với thời gian dưới 12 tháng và lãi suất các kỳ hạn được tính bằng lãi suất huy động trung bình của các ngân hàng thương mại cổ phần +2 %.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.029.966.823	37.020.180
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	700.468.562	626.879.968
Thuế Thu nhập cá nhân	239.090.043	107.992.842
	1.969.525.428	771.892.990

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	138.922.176	174.806.962
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK (*)	3.070.875.500	3.070.875.500
Phí kiểm toán Báo cáo tài chính	60.000.000	60.000.000
Chi phí lãi ký quỹ và chiết khấu Đại lý	400.697.709	6.000.000
	3.670.495.385	3.311.682.462

(*) Đây là khoản phí bản quyền gắn liền hợp đồng mua dây chuyền sản xuất van AVK của hãng AVK Đan Mạch. Tuy nhiên, do dây chuyền không hoạt động đúng theo công nghệ quy định trong hợp đồng nên Công ty đang đàm phán để giảm mức phải trả phí bản quyền này.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	69.593.630	88.408.180
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.600.000	35.600.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.700.000	1.700.000
Phải trả, phải nộp khác	94.113.219	49.809.698
	231.006.849	175.517.878

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị cho thuê cửa hàng trả trước trong nhiều năm	40.000.000	115.757.576
Giá trị hóa đơn xuất trước công trình hoàn thành của Công trình trạm bơm Kinh Thanh	35.127.272.727	11.709.090.909
	35.167.272.727	11.824.848.485

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,

Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012						
Tại ngày 01/01/2012	27.586.800.000	4.121.612.131	9.305.505.854	650.000.000	10.964.635.605	52.628.553.590
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.848.246.137	7.848.246.137
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(5.517.360.000)	(5.517.360.000)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(4.689.756.000)	(4.689.756.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.146.500.000)	(1.146.500.000)
Trích lập Quỹ Đầu tư Phát triển	-	-	800.000.000	-	(800.000.000)	-
Tại ngày 31/12/2012	27.586.800.000	4.121.612.131	10.105.505.854	650.000.000	6.659.265.742	49.123.183.727
Năm 2013						
Tại ngày 01/01/2013	27.586.800.000	4.121.612.131	10.105.505.854	650.000.000	6.659.265.742	49.123.183.727
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.541.723.180	8.541.723.180
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.165.000.000)	(1.165.000.000)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Tại ngày 31/12/2013	27.586.800.000	4.121.612.131	11.105.505.854	650.000.000	13.035.988.922	56.499.906.907

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 16/03/2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.848.246.137
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,74%	1.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17,39%	1.365.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 17% vốn điều lệ) (đã thực chi trong năm 2012)	59,76%	4.689.756.000
Lợi nhuận chưa phân phối	10,11%	793.490.137

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u> <u>(%)</u>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u> <u>(%)</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
Vốn góp của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	0,00%	-	65,02%	17.937.580.000
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*)	65,02%	17.937.580.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	34,98%	9.649.220.000	34,98%	9.649.220.000
	<u>100%</u>	<u>27.586.800.000</u>	<u>100%</u>	<u>27.586.800.000</u>

(*) Theo Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn số 220/TBĐVN-TCKT ngày 29/05/2013, Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức sở hữu và trở thành cổ đông lớn từ ngày 27/05/2013 của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.586.800.000	27.586.800.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	27.586.800.000	27.586.800.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	27.586.800.000	27.586.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	10.207.116.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	5.517.360.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	4.689.756.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.758.680	2.758.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.758.680	2.758.680
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.758.680	2.758.680
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.758.680	2.758.680
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.758.680	2.758.680
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	11.105.505.854	10.105.505.854
Quỹ dự phòng tài chính	650.000.000	650.000.000
	<u>11.755.505.854</u>	<u>10.755.505.854</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	157.347.383.192	135.850.790.778
Doanh thu bán hàng hóa	35.301.039.268	35.448.617.188
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.895.842.666	4.928.958.432
	201.544.265.126	176.228.366.398

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	138.714.868	-
Hàng bán bị trả lại	897.047.803	61.242.909
	1.035.762.671	61.242.909

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	156.311.620.521	135.789.547.869
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	35.301.039.268	35.448.617.188
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	8.895.842.666	4.928.958.432
	200.508.502.455	176.167.123.489

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	106.380.550.521	101.248.269.443
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.773.482.373	34.802.457.600
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.125.738.484	1.779.269.327
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	922.034.600	-
	144.201.805.978	137.829.996.370

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	404.820.298	953.203.281
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.066.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	49.386.510	529.532.473
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.780.000	-
	463.052.808	1.482.735.754

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.777.069.504	2.342.558.724
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	769.744.599	98.855.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.839.352	1.640.500
Chi phí lãi ký quỹ Đại lý	57.661.978	174.445.890
	4.617.315.433	2.617.500.814

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.291.969.000	1.042.392.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	304.228.757	408.735.000
Chi phí bảo hành	1.008.694.909	763.351.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.682.490.207	2.022.304.825
Chi phí khác bằng tiền	13.330.202.751	6.945.923.095
	17.617.585.624	11.182.707.120

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.502.610.555	1.281.625.082
Chi phí nhân công	8.812.537.100	8.012.363.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.390.598.884	1.000.689.038
Thuế, phí, lệ phí	1.477.050.300	1.606.347.799
Chi phí dự phòng	3.089.034.398	(1.978.776.791)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.258.502.786	5.152.060.765
Chi phí khác bằng tiền	359.962.727	406.575.605
	23.890.296.750	15.480.885.298

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	879.811.036	2.000.000
Thu nhập khác	28.000.000	193.559.211
	907.811.036	195.559.211

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.526.619.514	10.545.194.852
Các khoản điều chỉnh tăng	248.874.909	242.600.006
- Chi phí không hợp lệ	248.874.909	242.600.006
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	11.775.494.423	10.787.794.858
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	2.943.873.607	2.696.948.715
Thuế Thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho nghiệp vụ xuất hóa đơn dịch vụ trước hoàn thành.	103.068.182	41.022.727
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.046.941.789	2.737.971.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	626.879.968	433.320.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.973.353.195)	(2.544.411.825)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	700.468.562	626.879.968

26.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	103.068.182	41.022.727
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
	103.068.182	41.022.727
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh	(103.068.182)	(41.022.727)
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	41.022.727	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	(62.045.455)	(41.022.727)

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	8.541.723.180	7.848.246.137
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.541.723.180	7.848.246.137
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.758.680	2.758.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.096	2.845

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.254.837.603	99.529.280.758
Chi phí nhân công	33.007.140.300	34.508.670.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.309.682.830	7.278.311.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.522.514.638	8.771.920.417
Chi phí khác bằng tiền	17.779.453.540	14.405.405.436
	166.873.628.911	164.493.588.788

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.771.808.130	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.509.388.202	(9.276.252.538)	(6.187.218.140)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	83.281.196.332	(9.276.252.538)	(6.187.218.140)

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		49.347.903.599	34.327.202.390
Phải trả người bán, phải trả khác		10.394.865.375	26.727.991.376
Chi phí phải trả		3.670.495.385	3.311.682.462
		63.413.264.359	64.366.876.228

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.771.808.130	-	-	21.771.808.130
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.233.135.664	-	-	52.233.135.664
	<u>74.004.943.794</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>74.004.943.794</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.958.240.452	-	-	15.958.240.452
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.400.283.787	-	-	30.400.283.787
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
	<u>48.358.524.239</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>48.358.524.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	49.347.903.599	-	-	49.347.903.599
Phải trả người bán, phải trả khác	9.794.865.375	600.000.000	-	10.394.865.375
Chi phí phải trả	3.670.495.385	-	-	3.670.495.385
	62.813.264.359	600.000.000	-	63.413.264.359
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	27.732.210.980	6.594.991.410	-	34.327.202.390
Phải trả người bán, phải trả khác	26.227.991.376	500.000.000	-	26.727.991.376
Chi phí phải trả	3.311.682.462	-	-	3.311.682.462
	57.271.884.818	7.094.991.410	-	64.366.876.228

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.311.620.521	35.301.039.268	8.895.842.666	200.508.502.455	-	200.508.502.455
Chi phí bộ phận trực tiếp	106.380.550.521	32.773.482.373	5.047.773.084	144.201.805.978	-	144.201.805.978
Chi phí không phân bổ	40.534.570.223	3.101.709.276	2.025.865.500	45.662.144.999	-	45.662.144.999
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.396.499.777	(574.152.381)	1.822.204.082	10.644.551.478	-	10.644.551.478
Tài sản bộ phận trực tiếp	176.480.243.943	13.726.624.122	2.621.836.885	192.828.704.950	-	192.828.704.950
Tài sản không phân bổ	-	-	-	24.090.932.177	-	24.090.932.177
Tổng tài sản	176.480.243.943	13.726.624.122	2.621.836.885	216.919.637.127	-	216.919.637.127
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	47.208.574.378	35.627.272.727	640.000.000	83.475.847.105	-	83.475.847.105
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	76.488.391.017	-	76.488.391.017
Tổng nợ phải trả	47.208.574.378	35.627.272.727	640.000.000	159.964.238.122	-	159.964.238.122

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	9.443.310.147	3.293.582.527
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	26.249.886.727	33.886.134.377

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Phải thu			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	-	90.000.000
Phải trả tiền hàng			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	5.404.233.839	15.244.481.246
Phải trả gốc vay			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	10.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	10.000.000.000	10.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.537.345.600	1.701.262.400

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Thu Thủy

Giám đốc Tài chính



Bùi Thị Lệ Thủy

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Nam